

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 95/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày 18 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh
giai đoạn 2018 - 2020 và những năm tiếp theo**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 7**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;
Căn cứ Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn
dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) ngày 29 tháng 06 năm 2006;
Căn cứ Luật Phòng chống bệnh truyền nhiễm ngày 21 tháng 11 năm
2007;
Căn cứ Luật Người cao tuổi ngày 23 tháng 11 năm 2009;
Căn cứ Luật Người khuyết tật ngày 17 tháng 6 năm 2010;
Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;
Căn cứ Luật Trẻ em ngày 05 tháng 4 năm 2016;
Căn cứ Pháp lệnh dân số ngày 09 tháng 01 năm 2003;
Căn cứ Thông tư số 26/TT-BTC, ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài
chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình
mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016 - 2020;
Thực hiện Quyết định số 122/QĐ-TTg, ngày 10 tháng 01 năm 2013 của
Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và
nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030;
Quyết định số 1125/QĐ-TTg, ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Thủ tướng Chính
phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016 - 2020;
Sau khi xem xét Tờ trình số 221/TTr-UBND, ngày 09 tháng 7 năm 2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết thực hiện Chương trình
mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2018 - 2020 và
những năm tiếp theo; báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội và ý kiến thảo
luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng

1. Đối tượng thụ hưởng của Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số bao gồm toàn bộ người dân trên địa bàn toàn tỉnh;

2. Đối tượng thực hiện: Các sở, ngành, địa phương, đơn vị được giao kinh phí, nhiệm vụ để thực hiện các dự án, hoạt động của Chương trình.

Điều 2. Phạm vi

1. Gồm các dự án

a) Dự án 1: Phòng, chống một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và các bệnh không lây nhiễm phổ biến;

b) Dự án 2: Tiêm chủng mở rộng;

c) Dự án 3: Dân số và phát triển;

d) Dự án 4: An toàn thực phẩm;

đ) Dự án 5: Phòng, chống HIV/AIDS;

e) Dự án 6: Bảo đảm máu an toàn và phòng, chống một số bệnh lý huyết học;

f) Dự án 7: Quân dân Y kết hợp;

g) Dự án 8: Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện chương trình và truyền thông y tế.

2. Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2018 - 2020 và những năm tiếp theo

Điều 3. Mục tiêu tổng quát

Chủ động phòng, chống dịch bệnh, phát hiện sớm, kịp thời khống chế không để dịch lớn xảy ra. Giảm tỷ lệ mắc, tỷ lệ tử vong một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, khống chế tốc độ gia tăng các bệnh không lây nhiễm phổ biến, bệnh tật lứa tuổi học đường bảo đảm sức khỏe cộng đồng. Nâng cao năng lực quản lý, kiểm soát an toàn thực phẩm. Bảo đảm cung cấp máu, an toàn truyền máu và phòng, chống hiệu quả một số bệnh lý huyết học. Khống chế và giảm tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng để giảm tác động của HIV/AIDS đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. Duy trì mức sinh thay thế, hạn chế tốc độ tăng tỷ số giới tính khi sinh, cải thiện tình trạng dinh dưỡng, nâng cao chất lượng dân số và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi. Tăng cường công tác kết hợp quân dân y trong chăm sóc và bảo vệ sức khỏe Nhân dân vùng biên giới và vùng trọng điểm an ninh quốc phòng.

Chương II

MỤC TIÊU CỤ THỂ VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Điều 4. Dự án 1: Phòng, chống một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và các bệnh không lây nhiễm phổ biến

1. Mục tiêu

Chủ động phòng chống một số bệnh dịch nguy hiểm; phát hiện dịch sớm, không để dịch lớn xảy ra. Giảm tỷ lệ mắc, tỷ lệ chết do một số bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm. Không chế tốc độ gia tăng các bệnh không lây nhiễm phổ biến, bệnh, tật lứa tuổi học đường.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Hoạt động phòng, chống lao: Giảm tỷ lệ người mắc bệnh lao dưới 85/100.000 dân; Giảm số người chết do bệnh lao xuống dưới 5/100.000 dân; Duy trì tỷ lệ kháng đa thuốc trong số bệnh nhân mới phát hiện dưới 5%;

b) Hoạt động phòng chống, bệnh phong: Duy trì 100% bệnh nhân dị hình tàn tật được chăm sóc, trong đó 70% bệnh nhân tàn tật nặng được phục hồi chức năng, hòa nhập cộng đồng; 70% số huyện, thành phố, thị xã trong vùng dịch tễ lưu hành đạt 04 tiêu chuẩn loại trừ bệnh phong tuyến huyện;

c) Hoạt động phòng chống, bệnh sốt rét: Giảm tỷ lệ mắc sốt rét/1.000 dân số chung < 0,19; Phần đầu không để tử vong do sốt rét;

d) Hoạt động phòng chống, bệnh sốt xuất huyết: Giảm 8% tỷ lệ mắc/100.000 dân do sốt xuất huyết trung bình giai đoạn 2018 - 2020 so với trung bình giai đoạn 2012 - 2015; Phần đầu không để tử vong do sốt xuất huyết;

đ) Hoạt động phòng, chống bệnh tâm thần: Duy trì triển khai tại 100% số xã, phường, thị trấn trên toàn tỉnh đối với bệnh tâm thần phân liệt và động kinh, triển khai mới 20% số xã, phường, thị trấn đối với bệnh nhân rối loạn trầm cảm; Điều trị, quản lý và phục hồi chức năng cho 100% số bệnh nhân ở các xã, phường triển khai;

e) Hoạt động phòng, chống bệnh ung thư: 20% số người mắc ung thư khoang miệng, vú, cổ tử cung, đại trực tràng được phát hiện ở giai đoạn sớm; 80% cán bộ y tế hoạt động trong dự án được đào tạo về dự phòng và phát hiện sớm một số bệnh ung thư phổ biến;

f) Hoạt động phòng chống bệnh tim mạch: Trên 50% số người bị tăng huyết áp được phát hiện sớm; Trên 30% số người phát hiện bệnh được quản lý, điều trị theo hướng dẫn chuyên môn;

g) Hoạt động phòng, chống bệnh đái tháo đường và phòng chống các rối loạn do thiếu I-ốt: Không chế tỷ lệ bị tiền đái tháo đường dưới 20% ở người 30 - 69 tuổi; Không chế tỷ lệ đái tháo đường dưới 10% ở người 30 - 69 tuổi; 40% số người bị bệnh đái tháo đường được phát hiện; 40% số người phát hiện bệnh được quản lý, điều trị theo hướng dẫn chuyên môn; Giảm tỷ lệ bướu cổ trẻ em từ 08 - 10 tuổi < 8%;

h) Hoạt động phòng, chống bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản: 35% số người mắc bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính được phát hiện và điều

trị trước khi có biến chứng; 35% số người phát hiện bệnh được điều trị đúng theo hướng dẫn chuyên môn; 35% số người mắc bệnh hen phế quản được phát hiện và điều trị trước khi có biến chứng; 35% số người bệnh hen phế quản được điều trị kiểm soát hen, trong đó 15% đạt kiểm soát hoàn toàn;

i) Hoạt động Y tế học đường: Giảm ít nhất 30% tỷ lệ mắc mới các bệnh tật ở trẻ mầm non, học sinh phổ thông như cận thị, cong vẹo cột sống, thừa cân, béo phì, bệnh răng miệng, rối loạn tâm thần học đường so với tỷ lệ mắc mới năm 2015; Trên 95% số trẻ mầm non, học sinh phổ thông được sàng lọc, tư vấn điều trị cận thị, cong vẹo cột sống, thừa cân béo phì, bệnh răng miệng, rối loạn tâm thần học đường; 90% số học sinh ở vùng nguy cơ cao được tẩy giun định kỳ mỗi năm 02 lần.

Điều 5. Dự án 2: Tiêm chủng mở rộng

1. Mục tiêu

Giữ vững các kết quả đã đạt được, tiến tới khống chế và loại trừ một số bệnh có vắc xin phòng ngừa; củng cố và nâng cao chất lượng hệ thống tiêm chủng.

2. Mục tiêu cụ thể

Duy trì tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ cho trẻ em dưới 01 tuổi > 95%; Duy trì thành quả thanh toán bại liệt và loại trừ uốn ván sơ sinh, tiến tới loại trừ bệnh sởi và triển khai một số vắc xin mới.

Điều 6. Dự án 3: Dân số và phát triển

1. Mục tiêu

Chủ động duy trì mức sinh thấp hợp lý, nâng cao chất lượng dân số về thể chất; khống chế tốc độ tăng nhanh tỷ số giới tính khi sinh nhằm đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước, của tỉnh. Củng cố, phát triển hệ thống và nâng cao chất lượng dịch vụ phục hồi chức năng cho người khuyết tật dựa vào cộng đồng và chăm sóc người cao tuổi. Giảm tử vong và tình trạng suy dinh dưỡng ở bà mẹ, trẻ em, thu hẹp chênh lệch giữa các vùng miền về các chỉ số sức khỏe bà mẹ, trẻ em.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Hoạt động Dân số - Kế hoạch hóa gia đình: Tỷ lệ sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại đạt trên 68%; tỷ lệ bà mẹ mang thai được sàng lọc trước sinh lên 25%; tỷ lệ trẻ em mới sinh được sàng lọc sơ sinh lên 45%; giảm mức tăng nhanh tỷ số giới tính khi sinh, để đến năm 2020 tỷ số giới tính khi sinh không quá 112,6 trẻ sơ sinh trai/100 trẻ sơ sinh gái; giảm 20% số người chưa thành niên, thanh niên có thai ngoài ý muốn;

b) Hoạt động Phục hồi chức năng cho người khuyết tật tại cộng đồng: 80% người khuyết tật có nhu cầu được tiếp cận với dịch vụ phục hồi chức năng phù hợp tại các trung tâm y tế huyện, trạm y tế xã hoặc dịch vụ chăm sóc tại

nhà; 60% trẻ em khuyết tật dưới 06 tuổi được phát hiện sớm và can thiệp sớm khuyết tật;

c) Hoạt động Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi: Tỷ lệ người cao tuổi được chăm sóc dự phòng toàn diện, khám sức khỏe định kỳ, được điều trị kịp thời tại các cơ sở y tế trên 10%;

d) Hoạt động Chăm sóc sức khỏe sinh sản: Giảm tỷ suất tử vong trẻ em dưới 05 tuổi xuống còn 7,6%, dưới 01 tuổi xuống còn 5,5%; Giảm tỷ số tử vong mẹ xuống còn 16/100.000 trẻ đẻ sống;

đ) Hoạt động Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em: Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng nhẹ cân ở trẻ < 05 tuổi xuống dưới 9%; Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ < 05 tuổi xuống dưới 15%; Tiếp tục cải thiện tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng ở phụ nữ mang thai, phụ nữ tuổi sinh đẻ và trẻ em dưới 05 tuổi.

Điều 7. Dự án 4: An toàn thực phẩm

1. Mục tiêu

Kiểm soát an toàn thực phẩm trong toàn bộ chuỗi cung cấp thực phẩm được thiết lập và phát huy hiệu quả, chủ động trong việc bảo vệ sức khỏe và quyền lợi người tiêu dùng, góp phần đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Giảm 10% số vụ ngộ độc thực phẩm tập thể từ 30 người mắc/vụ trở lên trung bình giai đoạn 2016 - 2020 so với trung bình giai đoạn 2011 - 2015;

b) Tỷ lệ mắc ngộ độc thực phẩm cấp tính trong vụ ngộ độc được ghi nhận dưới 05 người/100.000 dân; 85% các cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm và dịch vụ ăn uống (thuộc diện phải cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm) được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

c) Tỷ lệ mẫu vượt mức cho phép/tổng số mẫu được kiểm tra an toàn thực phẩm trong các chương trình giám sát quốc gia về an toàn thực phẩm nông sản < 6%; tỷ lệ mẫu vượt mức cho phép/tổng số mẫu được kiểm tra an toàn thực phẩm trong các chương trình giám sát quốc gia về an toàn thực phẩm thủy sản < 4%;

d) Hỗ trợ xây dựng và phát triển 04 mô hình sản xuất, mô hình liên kết chuỗi, các chương trình quản lý tiên tiến để tạo ra nông sản, thủy sản, thực phẩm an toàn; 100% người quản lý, lãnh đạo; trên 80% người sản xuất, kinh doanh; trên 70% người tiêu dùng được cập nhật kiến thức về an toàn thực phẩm;

đ) Có 01 phòng kiểm nghiệm thực phẩm đạt chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2005; mỗi năm hỗ trợ 03 chợ xây dựng mô hình thí điểm bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm.

Điều 8. Dự án 5: Phòng, chống HIV/AIDS

1. Mục tiêu

Không chế tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng dân cư dưới 0,17%; Tăng cường các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS “Hướng lối mục tiêu 90-90-90” vào năm 2020, giảm số người nhiễm HIV/AIDS mới, số người chuyển sang AIDS, số tử vong do AIDS hàng năm và giảm tác động của đại dịch HIV/AIDS đối với sự phát triển kinh tế - xã hội.

2. Mục tiêu cụ thể

Số trường hợp nhiễm mới HIV do lây nhiễm qua đường tiêm chích ma túy giảm 25%, do lây nhiễm qua đường tình dục giảm 20%, so với năm 2015; 90% số người nhiễm HIV trong cộng đồng biết tình trạng nhiễm HIV của mình; 90% số người đã chẩn đoán nhiễm HIV được điều trị thuốc kháng vi rút (ARV); 90% số người điều trị ARV có tải lượng vi rút HIV thấp dưới ngưỡng ức chế; 85% người nghiện ma túy (nhóm Opiats) được điều trị bằng thuốc các thuốc thay thế; 100% bệnh nhân tham gia điều trị ARV có thẻ BHYT.

Điều 9. Dự án 6: Đảm bảo máu an toàn và phòng, chống một số bệnh lý huyết học

1. Mục tiêu

Đảm bảo tốt hơn nữa việc cung cấp máu, an toàn truyền máu và phòng, chống hiệu quả một số bệnh lý huyết học.

2. Mục tiêu cụ thể

Số lượng máu tiếp nhận đạt trên 6.400 đơn vị trên toàn tỉnh vào năm 2020; nâng cao công tác truyền máu an toàn.

Điều 10. Dự án 7: Quân dân y kết hợp

1. Mục tiêu

Tạo điều kiện cho người dân sinh sống ở khu vực biên giới, vùng trọng điểm quốc phòng an ninh được tiếp cận với các dịch vụ y tế có chất lượng ngày càng cao; tăng cường khả năng đáp ứng của ngành y tế trong các tình huống khẩn cấp.

2. Mục tiêu cụ thể

Hỗ trợ trang thiết bị y tế thiết yếu cho các trạm y tế vùng biên giới, thiết bị y tế cơ bản cho các đơn vị y tế dự bị động viên đáp ứng yêu cầu huấn luyện, diễn tập sẵn sàng động viên; Đào tạo, tập huấn nội dung quân dân y kết hợp; huấn luyện, diễn tập lực lượng y tế cơ động đáp ứng yêu cầu can thiệp nhanh trong các tình huống khẩn cấp về y tế.

Điều 11. Dự án 8: Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá chương trình thực hiện Chương trình và truyền thông y tế.

1. Mục tiêu

Theo dõi, kiểm tra, giám sát đánh giá bảo đảm thực hiện Chương trình hiệu quả. Triển khai các hoạt động truyền thông y tế, chủ động góp phần phòng, chống bệnh tật nâng cao sức khỏe người dân và cộng đồng.

2. Chỉ tiêu

100% lịch kiểm tra, giám sát theo kế hoạch và đột xuất được thực hiện; 100% huyện, thành phố, thị xã thực hiện truyền thông các nội dung của Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 12. Giải pháp, nhiệm vụ thực hiện

1. Giải pháp chính sách, pháp luật

Nâng cao vai trò, trách nhiệm cấp ủy, chính quyền các cấp trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, DS - KHHGD. Đưa các chỉ tiêu Y tế - Dân số vào nhiệm vụ kinh tế - xã hội của tỉnh và được ưu tiên đầu tư từ ngân sách địa phương, bảo đảm sử dụng có hiệu quả nguồn ngân sách từ trung ương hỗ trợ.

2. Truyền thông, giáo dục sức khỏe phòng, chống các bệnh, dịch trong Chương trình.

Triển khai truyền thông các nội dung Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số, tập trung tuyên truyền có trọng tâm, trọng điểm về các bệnh thường gặp, bệnh truyền nhiễm, bệnh không lây nhiễm, dân số, kế hoạch hóa gia đình, nâng cao chất lượng dân số, mất cân bằng giới tính khi sinh, an toàn thực phẩm, phòng, chống HIV/AIDS... trên đài phát thanh, đài truyền hình, báo giấy, báo điện tử, Internet... từ tuyến tỉnh đến tuyến cơ sở. Các nội dung tuyên truyền phải được thể hiện phong phú, linh hoạt... giúp người dân dễ tiếp thu, dễ hiểu và dễ thực hiện làm theo đảm bảo tự chăm sóc sức khỏe cho bản thân và tác động đến việc bảo vệ sức khỏe của mọi người dân trong cộng đồng.

3. Huy động nguồn lực thực hiện Chương trình

a) Huy động nguồn lực

Huy động toàn bộ mạng lưới nguồn nhân lực y tế từ tuyến tỉnh tới cơ sở trên tất cả các vùng, miền thuộc 13/13 huyện, thành phố, thị xã đều tham gia thực hiện các hoạt động của Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số theo chức năng, nhiệm vụ được giao trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

b) Huy động nguồn kinh phí

Tổng hợp nhu cầu nguồn kinh phí thực hiện giai đoạn 2018 – 2020

Đơn vị tính: Triệu đồng

Hoạt động	Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Giai đoạn 2018 - 2020	
	NSTW	NSDP	NSTW	NSDP	NSTW	NSDP	NSTW	NSDP
Dự án 1: Phòng, chống một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và một số bệnh không lây nhiễm	2.400	2.000	3.925	4.423	4.425	4.698	10.750	11.121

Dự án 2: Tiêm chủng mở rộng	-	-	429	732	472	825	901	1.557
Dự án 3: Dân số và Phát triển	4.664	13.288	5.246	13.668	5.986	13.768	15.896	40.724
Dự án 4: An toàn thực phẩm	2.836	240	2.000	2.200	2.100	2.200	6.936	4.640
Dự án 5: Phòng chống HIV/AIDS	880	3.000	880	5.300	870	5.300	2.630	13.600
Dự án 6: Bảo đảm máu an toàn và phòng chống một số bệnh lý huyết học	-	-	-	158	-	158	-	316
Dự án 7: Quân dân y kết hợp	20	-	20	40	20	40	60	80
Dự án 8: Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện chương trình và truyền thông y tế	854	1.367	1.590	2.202	1.640	2.177	4.084	5.746
TỔNG CỘNG	11.654	19.895	14.090	28.723	15.513	29.166	41.257	77.784

Trong đó nguồn ngân sách Trung ương là nguồn bổ sung có mục tiêu Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số; nguồn ngân sách địa phương được bố trí một phần từ nguồn giảm chi trực tiếp của ngân sách nhà nước cho các cơ sở khám chữa bệnh theo lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và nguồn vốn ngân sách tỉnh cấp cho các Nghị quyết số 78/2013/NQ-HĐND, ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về tiếp tục đẩy mạnh công tác dân số - KHHGD tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2014 - 2020 và Nghị quyết số 92/2014/NQ-HĐND, ngày 16 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án bảo đảm tài chính hoạt động phòng chống HIV/AIDS tỉnh Hà Tĩnh, giai đoạn 2014 - 2020.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**


Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này. Trong quá trình thực hiện có nội dung cần thiết điều chỉnh, bổ sung, Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XVII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 18 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 9 năm 2018./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu UBTWQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Bộ Y tế;
- Kiểm toán nhà nước khu vực II;
- Bộ Tư lệnh Quân khu IV;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đoàn Hà Tĩnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Công báo - tin học VP UBND tỉnh;
- Trung tâm thông tin VP HĐND tỉnh;
- Trang thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT. 


CHỦ TỊCH
Lê Đình Sơn

